

Bản án số: 14/2023/HSST  
Ngày 17/2/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THU THÀNH - TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Sỹ Cây.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Bá Thành, ông Nguyễn Đăng Dũng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa, Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cao Khải, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 2 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLST-HS, ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HS ngày 03/2/2023 đối với:

**Bị cáo Vũ Đình D, sinh năm 2000.**

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam

HKTT: Thôn Quỳnh Bội, xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Họ và tên cha: Vũ Đình Hà, sinh năm 1975 (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975. Gia đình bị cáo có 02 anh em. Bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 76/2017/HS-ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 BLHS. Ngày 03/05/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 21/02/2018 bị can chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh (bị cáo có mặt)

***Bị hại:*** 1. Chị An Thị Soi Ng, sinh năm 1991. (đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phúc Lâm, xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Lê Thị Thuý L, sinh năm 1997. (đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đạo Xá, xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Bội, xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Phạm Văn Thu, sinh năm 1992. (đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bùng, xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và D biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Vũ Đình D đã nảy sinh ý định cướp giật tài sản lấy tiền ăn tiêu. Trong khoảng thời gian từ ngày 16/7/2022 đến ngày 19/8/2022, D đã thực hiện 02 vụ “Cướp giật tài sản” và 01 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn huyện Thu Thành, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 00 ngày 16/7/2022, D một mình điều khiển xe BKS 99F1 – 160.90 khi đi đến đoạn QL38 thuộc địa phận thôn Phúc Lâm, xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh thì thấy phía trước chị An Thị Soi Ng, sinh năm 1991, trú tại: Thôn Phúc Lâm, xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh điều khiển xe mô tô đang đeo 01 chiếc túi xách ở bên trái. D điều khiển xe tăng ga áp sát phía bên trái xe của chị Ng rồi dùng tay phải giật được chiếc túi xách của chị Ng rồi tăng ga bỏ chạy về nhà. Sau đó, D kiểm tra thấy bên trong túi xách của chị Ng có 40.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Oppo A94 có ốp nhựa màu trắng bên trong lắp sim số 0367184084; 01 tai nghe không dây; 01 thẻ nhân viên của công ty Diana. Buổi sáng ngày 18/7/2022, D đã đi đến khu vực cầu Bình Than thuộc địa phận xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh vứt chiếc túi xách, 01 chiếc tai nghe không dây và thẻ nhân viên của chị Ng xuống sông Đuống.

Sau khi cướp giật được số tài sản trên, D đã mở khóa chiếc điện thoại của chị Ng và trộm cắp tài sản của chị Ng, cụ thể như sau: D nhập thử mật khẩu là ngày tháng năm sinh của chị Ng là “021191” đã mở khóa được chiếc điện thoại Oppo A94 và nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong ví điện tử MoMo của chị Ng. Khoảng 17 giờ ngày 18/7/2022, D đi đến cửa hàng tạp hóa Quảng Đào của vợ chồng chị Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1967, anh Nguyễn Hữu Quảng, sinh năm 1973 ở thôn Mao Độc, xã Phương Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để nhờ chị Đào làm dịch vụ chuyển khoản lấy tiền mặt. Tại đây, D đã chuyển số tiền 3.965.000 đồng từ tài khoản ví điện tử MoMo của chị Ng vào tài khoản của chị Đào số 01778289901 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần TPBank. Sau đó, anh Quảng đã đưa cho D số tiền 3.965.000 đồng. D cầm tiền rồi trả 35.000 đồng tiền dịch vụ chuyển tiền rồi ra về. Đến khoảng 19 giờ ngày 18/7/2022, D đi đến cửa hàng điện thoại di động Lan Anh ở thôn Cầu Đào, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh của anh Phạm Văn Thu, sinh năm 1992 trú tại thôn Bùng, xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, D đã bán chiếc điện thoại Oppo A94 cho anh Thu với giá 2.000.000 đồng. Sau đó anh Thu đã bán chiếc điện thoại trên cho 1 khách hàng không quen biết. Số tiền chiếm đoạt của chị Ng, D đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/8/2022 D lại điều khiển xe BKS 99F1- 160.90 đi dọc Quốc lộ 38 hướng từ ngã tư Đông Côi đi tỉnh Hải Dương đến đoạn thuộc địa phận xã Ninh Xá, huyện Thu Thành thì thấy chị Lê Thị Thùy L, sinh

năm 1997, trú tại: Thôn Đạo Xá, xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh có đeo túi xách màu trắng và đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 99F1 – 319.29 phía trước. D đi theo chị L đến đoạn đường liên xã thuộc thôn Đạo Xá, xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh thì tăng ga, áp sát phía bên trái xe của chị L, dùng tay phải giật liên tục vào túi xách của chị L làm chị L và D bị đổ xe xuống ruộng lúa. Lúc này, chị L hô hoán nên người dân và lực lượng Công an xã Nghĩa Đạo, huyện Thu Thành đã bắt giữ được D và thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, BKS 99F1- 160.90; 01 túi da màu đen bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Nam; 01 căn cước công dân tên Vũ Đình D; số tiền 42.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lắp sim số 0374.640.986, phía trong ốp điện thoại có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 đôi dép, 01 áo khoác màu đen, 01 quần màu đen; 01 túi xách màu trắng có quai đeo bằng kim loại, bên trong túi xách có 01 chứng minh nhân dân số 125677594 mang tên Lê Thị Thùy L; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, lắp sim số 033.2780.823; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Thị Thùy L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 31/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thu Thành kết luận: Tại thời điểm ngày 16/7/2022: 01 túi xách bằng da màu nâu, dây đeo bằng da trị giá 60.000 đồng; 01 điện thoại Oppo A94 màu tím trị giá 3.000.000 đồng; 01 tai nghe Bluetooth màu trắng trị giá 105.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.165.000 đồng. Tại thời điểm ngày 19/8/2022: 01 túi xách bằng da màu trắng, dây đeo kim loại sáng màu trị giá 550.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xanh, trị giá 14.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 14.550.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, BKS 99F1- 160.90 mà D điều khiển để đi cướp giật tài sản đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn Nam, sinh năm 1992 trú tại Ấp Khám, xã Gia Đông, huyện Thu Thành, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, anh Nam đã bán lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn Quảng, sinh năm 1975 trú tại thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 19/01/2016, anh Quảng đã bán lại chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975 là mẹ của bị cáo D. Sau đó, chị Th cho D mượn xe làm phương tiện đi lại. Chị Th không biết việc D sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSTT ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thu Thành truy đã truy tố bị cáo Vũ Đình D phạm tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ Luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận do cần tiền tiêu sài cá nhân nên đã thực hiện hành vi điều khiển mô tô đi trên đường để 02 lần cướp giật tài sản của người đi đường. Bị cáo cũng khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền của chị Ng có trong tài khoản cá nhân của chị Ng. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi cướp giật tài sản cũng như hành vi trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Trong phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thu Thành thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã đưa ra chứng cứ để buộc tội Vũ Đình D phạm tội cướp giật tài sản với tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm và tội trộm cắp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật hình sự xử phạt D từ 3 năm 02 tháng đến 3 năm 8 tháng tù về tội cướp giật tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật hình sự, xử phạt D từ 06 đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ Luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo D phải chịu hình phạt chung là từ 3 năm 8 tháng đến 4 năm 5 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản, tiền bồi thường và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ Luật hình sự. Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự: Trả lại bà Nguyễn Thị Th 01 xe mô tô Dream BKD 99F1-160.90 cùng với giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Nam. Trả lại bị cáo D số tài sản gồm; 01 căn cước công dân tên Vũ Đình D; số tiền 42.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lấp sim số 0374.640.986; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 túi da màu đen; 01 đôi dép; 01 áo khoác màu đen; 01 quần màu đen.

Bị cáo D nhận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Trong phần nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và của bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Lời khai của bị cáo Vũ Đình D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ để xác định: Do muốn có tiền để tiêu sài cá nhân, bị cáo D đã nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người đi đường. Bị cáo đã dùng thủ đoạn điều khiển xe gắn máy để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị An Thị Soi Ng và của chị Lê Thị Thùy L với tổng giá trị tài sản bị cướp giật là 17.755.000 đồng. Hành vi dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật tài sản của người đi đường được xác định đây là tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm khi phạm tội. Do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự. Ngoài ra sau khi chiếm đoạt được điện thoại của chị An Thị Soi Ng, bị cáo đã nhập vào ví điện tử của chị Ng rồi

sau đó lên lút chiếm đoạt của chị Ng số tiền 3.965.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thu Thành truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét về tích chất, mục đích, nguyên nhân của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an ninh trên địa bàn. Bị cáo phạm tội do lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, cướp giật, trộm cắp tài sản của người khác nhằm thoả mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân nên cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo hai lần điều khiển xe mô tô để cướp giật tài sản của người khác nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự. Ngoài ra bị cáo năm 2017 cũng đã bị Toà án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh kết án 24 tháng tù cũng về tội “Cướp giật tài sản”. Bản án này mặc dù bị cáo đã được xoá án tích nhưng chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng bản thân. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền để khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bị cáo có ông nội là Vũ Đình Hiệp được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, có bà nội là Vũ Thị Ngừng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Phía bị hại là chị An Thị Soi Ng có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Đây là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xem xét các tình tiết của vụ án thì thấy, bị cáo là thanh niên thích lê lỏng, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, sống buông thả đua đòi vi phạm pháp luật. Do đó cần có hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người có ích cho xã hội sau này.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập thường xuyên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị An Thị Soi Ng và chị Lê Thị Thuỳ L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Liên quan đến số tiền 12.000.000 đồng mà bà Th đã trả thay cho bị cáo D, bà Th cũng không có yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị cáo phải trả lại nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Số vật chứng tài sản thuộc sở hữu của chị Ng và chị L Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết. Đối với số tài sản tạm giữ của bị cáo D gồm 01 xe mô tô Dream BKS 99F1-160.90 cùng với giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Nam. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Th là mẹ của bị cáo D, khi bị cáo mượn xe bà Th cũng không biết việc bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại bà Th tài sản này. Đối với 01 túi da màu đen; 01 căn cước công dân tên Vũ Đình D; số tiền 42.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lấp sim số 0374.640.986; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 đôi dép, 01 áo khoác màu đen, 01 quần màu đen là tài sản không liên quan đến tội phạm nên trả lại bị cáo D nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tại phiên tòa bị cáo từ chối nhận lại số tài sản gồm 01 túi da màu đen; 01 đôi dép; 01 áo khoác màu đen; 01 quần màu đen và những tài sản này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Liên quan đến vụ án có: Đối với anh Phạm Văn Thu là người đã mua chiếc điện thoại Oppo A94 do D cướp giật được. Khi mua anh Thu cũng không biết đây là tài sản mà D phạm tội mà có. Đối với anh Nguyễn Hữu Quảng, chị Nguyễn Thị Đào là người thực hiện việc chuyển khoản đổi tiền mặt cho D cũng không biết việc D trộm cắp tài sản nên nên Cơ quan điều tra nhắc nhở đối với anh Thu, anh Quảng và chị Đào mà không xem xét xử lý đối là phù hợp. Đối với bà Nguyễn Thị Th là mẹ của bị cáo D khi cho D mượn xe không biết việc D dùng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Vũ Đình D phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với tội Cướp giật tài sản). Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với tội Trộm cắp tài sản); Điều 38; Điều 55; Điều 47 của Bộ Luật hình sự. Điều 106; Điều 136; Điều 329 Bộ Luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, tuyên xử.

1. Xử phạt Vũ Đình D 38 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Đình D phải chấp hành mức phạt chung của hai tội là 44 (Bốn mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/8/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án 17/02/2023 để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết do bị hại không yêu cầu.

3. Về vật chứng: Trả lại bà Nguyễn Thị Th 01 xe mô tô Dream BKS 99F1-160.90 cùng với giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Nam. Trả lại bị cáo D số tài sản gồm 01 căn cước công dân tên Vũ Đình D; số tiền 42.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lấp sim số 0374.640.986; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu huỷ 01 túi da màu đen; 01 đôi dép; 01 áo khoác màu đen; 01 quần màu đen (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 15/2/2023 giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thu Thành)

4. Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo D, bà Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ng, chị L, anh Thu có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tông đạt bản án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Thu Thành.
- Công an huyện Thu Thành.
- Chi cục THA dân sự huyện Thu Thành.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**

**Nguyễn Sỹ Cây**